

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DS-ST

Ngày: 02/4/2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi
và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;
- Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 542/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-DS ngày 14/3/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị M, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Bà Tạ Kim T, sinh năm 1963, (có mặt);

Địa chỉ: Số E đường C, khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Lưu Thị Trúc L, sinh năm 1984, (có mặt);

Anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1982, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 01/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị M có đại diện theo ủy quyền là bà Tạ Kim T trình bày:**

Bà M có tham gia các dây hụi do chị Lưu Thị Trúc L và anh Đỗ Xuân H làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, khui vào ngày 20/10/2020 âm lịch, gồm 31 phần. Bà M tham gia 03 phần, đã đóng hụi sống cho chị Trúc L và anh H cho đến ngày mãn hụi là ngày 20/4/2023 âm lịch, nhưng chị Trúc L và anh H không giao tiền hụi cho bà M. Dây hụi này chị Trúc L và anh H còn nợ bà M số tiền hụi là 165.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, khui vào ngày 15/02/2021 âm lịch, gồm 24 phần. Bà M tham gia 02 phần, đã đóng hụi sống cho chị Trúc L và anh H cho đến ngày mãn hụi là ngày 15/4/2023 âm lịch, nhưng chị Trúc L và anh H không giao tiền hụi cho bà M. Dây hụi này chị Trúc L và anh H còn nợ bà M số tiền hụi là 86.000.000 đồng. Sau đó, chị L và anh H đã trả cho bà M số tiền 25.000.000 đồng, còn nợ lại 61.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi trên chị L, anh H còn nợ bà M số tiền là 226.000.000 đồng. Ngày 25/9/2023 âm lịch, chị L viết biên nhận xác nhận có nợ của bà M số tiền hụi là 226.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 28/8/2019, bà M có cho chị L và anh H vay số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 16/12/2020, bà M tiếp tục cho chị L và anh H vay số tiền 35.000.000 đồng. Khi vay chị L có làm biên nhận và hứa khi nào bà M cần tiền thì chị L và anh H sẽ hoàn trả lại tiền. Tuy nhiên đến nay anh H và chị L vẫn chưa trả lại số tiền này.

Nay bà M yêu cầu chị Lưu Thị Trúc L và anh Đỗ Xuân H phải trả cho bà M số tiền nợ hụi là 226.000.000 đồng và số tiền nợ vay là 85.000.000 đồng. Tổng cộng là 311.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo bản tự khai ngày 30/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lưu Thị Trúc L trình bày:***

Chị thống nhất có làm đầu thảo các dây hụi như bà M khởi kiện là đúng, hiện chị còn nợ lại bà M số tiền hụi tổng cộng là 226.000.000 đồng. Ngoài ra, chị cũng có vay của bà M 02 lần với số tiền là 85.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả cho bà M số tiền nợ hụi là 226.000.000 đồng và tiền nợ vay là 85.000.000 đồng, tổng cộng là 311.000.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, chị xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 311.000.000 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng anh H vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà M yêu cầu bị đơn chị L và anh H trả số tiền nợ hui và tiền vay, chị L và anh H có địa chỉ tại ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. Xét thấy, trong giao dịch góp hui trên, bà M là hui viên đã thực hiện góp hui đầy đủ cho chị L theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L thống nhất về số kỳ hui mà bà M đã đóng cho chị và hiện chị còn nợ số tiền 02 dây hui là 226.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị L xin trả dần số tiền nợ nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi lại số tiền cho vay là 85.000.000 đồng là có căn cứ bởi nguyên đơn cung cấp “Giấy biên nhận ngày 28/8/2019 và ngày 16/12/2020 âm lịch” có chữ ký tên Lưu Thị Trúc L. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, chị L thừa nhận còn nợ lại bà M số tiền vay là 85.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà M. Tuy nhiên, chị L xin trả dần số tiền này nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

3.3. Quá trình giải quyết vụ án, chị L cho rằng chị và anh Đỗ Xuân H là vợ chồng hợp pháp, giữa anh H và chị L không có thỏa thuận về tài sản riêng hoặc nợ riêng, đồng thời chị L cũng thừa nhận thu nhập từ làm đầu thảo hui chị sử dụng vào mục đích chung của gia đình, khi biết chị nợ bà M số tiền hui và tiền vay thì anh H có nói sẽ cố gắng đi làm để đưa tiền chị trả tiền cho bà M. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Hòa hợp 1 để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng anh H vắng mặt và không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối việc bà M yêu cầu anh H và

chị L trả tiền nợ. Như vậy, anh H đã mặc nhiên thừa nhận số nợ trên là của anh và chị L trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định số tiền nợ 311.000.000 đồng này là nợ chung của chị L và anh H.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy trong giao dịch góp hụi và giao dịch cho vay tiền trên giữa bà M với chị L và anh H thực tế đã phát sinh nhưng đến nay chị L, anh H vẫn không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phụng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 2 Điều 16, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phụng;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị M.

1. Buộc chị Lưu Thị Trúc L và anh Đỗ Xuân H liên đới trả cho bà Ngô Thị M số tiền nợ hụi là 226.000.000 đồng và số tiền nợ vay là 85.000.000 đồng, tổng cộng là 311.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Lưu Thị Trúc L và anh Đỗ Xuân H phải chịu 15.550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh